

## NÂNG CAO TÍNH KHẢ THI CHÍNH SÁCH KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

Phạm Bảo Dương<sup>1\*</sup>, Phôm Sa Vath Khăm Thiêng<sup>2</sup>, Đậu Thị Bích Hoài<sup>3</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>2</sup>*Nghiên cứu sinh, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

<sup>3</sup>*Học viên cao học, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email\*: pbduong@gmail.com

Ngày gửi bài: 14.04.2014

Ngày chấp nhận: 30.06.2014

### TÓM TẮT

Khuyến nông được xác định là chìa khóa thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu tại thành phố Hà Nội chỉ rõ bên cạnh các thành tựu nổi bật như góp phần phát triển nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, quá trình thực thi chính sách khuyến nông cũng gặp không ít những khó khăn, bất cập do cách tiếp cận, nhận thức, nguồn lực và tổ chức thực hiện chính sách. Bên cạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền và các chính sách đào tạo, bồi dưỡng, truyền nghề được đánh giá tốt, một vài chính sách khác chưa thực sự khả thi do số lượng đối tượng thụ hưởng và phạm vi tác động của chính sách tương đối rộng, lực lượng cán bộ làm công tác khuyến nông lại mỏng, chế độ đãi ngộ không cao đã ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách. Bài viết đề xuất ba nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao tính khả thi của chính sách khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khóa: Chính sách, giải pháp, khuyến nông, khả thi.

### Measures to Raise the Feasibility of Agricultural Extension Policies in Hanoi

### ABSTRACT

Agricultural Extension is a key to promote agricultural development. As indicated in some researches in Hanoi, beside the outstanding achievements in contributing to agricultural development and economic restructuring in rural areas, the implementation of Agricultural Extension Policy also faced with difficulties and constraints in the approach, awareness, human resources, and policy implementation. The study results showed that although the activities on advocacy and policy training, retraining, and job transfer were highly evaluated, some policies were still not really feasible due to the number of beneficiaries and scope of the policy. In addition, lack of qualified labour and low remuneration also affected the effectiveness and efficiency of policy implementation. This article proposed three solutions to enhance the viability of Agricultural Extension Policies in the area of Hanoi.

Keywords: Agricultural extension policy, feasibility, solutions.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủ đô Hà Nội hiện có khoảng 88,3% diện tích đất tự nhiên và 64% dân số thuộc khu vực nông thôn. Từ thực tế đó, Thành phố đã xác định cần tạo điều kiện cho nông nghiệp - nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sản xuất hàng hoá chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường; đạt mục tiêu xây dựng nông thôn mới (Nghị quyết 03/2010/NQ-

HNĐND). Rất nhiều cơ chế, chính sách đã được Thành phố ban hành để hỗ trợ phát triển nông nghiệp - nông thôn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện chưa đạt được kết quả như mong đợi, đặc biệt khi xét đến hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách. Đơn cử, công tác khuyến nông được Thành phố đặc biệt quan tâm và bước đầu đã có những thành tích đáng kể nhưng thực sự vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của lãnh đạo và người dân. Nguyên nhân làm giảm tính khả thi trong quá trình thực hiện chính sách là do

nguồn lực thực hiện chính sách phân tán, tính kiên quyết trong chỉ đạo triển khai thực hiện chưa cao; một bộ phận người dân khó tiếp cận chính sách do các quy định phức tạp, không phù hợp với thực tế hoặc do chưa hiểu biết về chính sách,...

Phân tích, đánh giá chính sách phát triển nông nghiệp, mà cụ thể là chính sách khuyến nông đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả, tuy nhiên, có rất ít các nghiên cứu chuyên sâu đánh giá hiệu quả-hiệu lực, tính khả thi của chính sách trong đó quan trọng nhất thấy được tâm tư, nguyện vọng cũng như những khó khăn mà người dân đang thực sự gặp phải. Với cách đặt vấn đề như vậy, bài viết này tập trung đánh giá tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện chính sách khuyến nông, phân tích các yếu tố ảnh hưởng để từ đó đề xuất giải pháp nâng cao tính khả thi của chính sách khuyến nông trên địa bàn Hà Nội.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong đánh giá chính sách nông nghiệp, tiếp cận có sự tham gia có vai trò quan trọng, được sử dụng xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu. Bên cạnh đó, cách tiếp cận theo các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chu trình chính sách cũng được sử dụng để có được cái nhìn sâu sắc (và có thể là sự khác biệt) về quan điểm đánh giá giữa nhóm cán bộ thực thi và người dân - những người thụ hưởng đối với tính khả thi của chính sách khuyến nông đang được triển khai trên địa bàn Thành phố.

Thông tin thứ cấp được sử dụng là các tài liệu đã được công bố bao gồm các văn bản chính sách liên quan, báo cáo của Trung tâm Khuyến nông Hà Nội, trạm khuyến nông các huyện, báo cáo của các xã... Các thông tin sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bằng các bản câu hỏi bán cấu trúc, thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu các đối tượng khác nhau bao gồm: 20 cán bộ cấp huyện; 40 cán bộ cấp xã và 120 hộ dân tại 4 huyện thuộc 2 tiểu vùng nông nghiệp (vùng bán sơn địa (huyện Chương Mỹ); vùng đồng bằng (các huyện Thanh Trì, Thanh Oai, Đông Anh)). Phương pháp thống kê mô tả và so sánh được sử dụng trong quá trình phân tích.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Hệ thống các chính sách khuyến nông tại Hà Nội

Bên cạnh Nghị định số 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 38/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 02, Thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên thành lập và ban hành quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khuyến nông (Quyết định số 26/2002/QĐ-UB ngày 27 tháng 2 năm 2002 của UBND Thành phố). Mục tiêu của Quỹ hướng tới tăng cường nguồn lực tài chính, không nhằm mục đích lợi nhuận, tạo điều kiện chủ động thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn Thủ đô. Tiếp đó, ngày 13 tháng 5 năm 2009, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 67/2009/QĐ-UBND quy định về tổ chức và hoạt động của nhân viên khuyến nông cấp xã có sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### 3.2. Đánh giá tính khả thi trong triển khai thực hiện chính sách khuyến nông

Tính khả thi của một chính sách nông nghiệp là khả năng để chính sách đó có được thực thi tốt hay không (Đỗ Kim Chung, 1998 và 2010). Khả năng thực thi của một chính sách phụ thuộc vào sự phù hợp trong thẩm quyền quyết định, hình thức văn bản và cấu trúc, mục tiêu, phạm vi và đối tượng thụ hưởng, nội dung chính sách, sự thống nhất và không mâu thuẫn với các chính sách khác, nguồn lực và năng lực để thực hiện chính sách đó. Tuy nhiên với mục tiêu đánh giá tính khả thi trong triển khai thực hiện chính sách khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội, bài viết này tập trung đánh giá tính khả thi trên các phương diện: (1) đối tượng thụ hưởng; (2) nội dung; (3) sự đồng bộ và thống nhất giữa các cơ quan thực hiện; (4) nguồn lực và năng lực thực thi chính sách.

#### 3.2.1. Đối tượng chính sách

Khả thi về đối tượng thụ hưởng chính sách thể hiện ở chỗ chính sách hướng tới ai, nhóm người nào trong xã hội. Để đánh giá tính khả thi

**Bảng 1. Mức độ nhận biết và đánh giá của cán bộ về đối tượng thụ hưởng chính sách (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Cán bộ cấp huyện (n=20)	Cán bộ cấp xã (n=40)
1. Đối tượng thụ hưởng	100,0	100,0
- Biết	85,0	62,5
- Không biết	15,0	27,5
- Không quan tâm	0,0	10,0
2. Đánh giá đúng đối tượng thụ hưởng		
- Cán bộ khuyến nông	80,0	57,5
- Người làm công tác khuyến nông	55,0	32,5
- Nông dân	100,00	100,00

Nguồn: Tổng hợp điều tra

về đối tượng thụ hưởng trong triển khai thực hiện chính sách, nghiên cứu đặt câu hỏi: “*Khi triển khai thực hiện, lãnh đạo địa phương có xem xét về khía cạnh đối tượng thụ hưởng của chính sách không?*”. Kết quả cho thấy, các cán bộ thực thi chính sách đã có sự quan tâm và hiểu rõ đối tượng của chính sách, tuy nhiên số cán bộ cấp xã không biết hoặc không quan tâm đến đối tượng thụ hưởng vẫn còn chiếm tỷ lệ khá cao (trên 37%) (Bảng 1).

Điểm đáng chú ý là ở cấp xã chỉ có 32,5% số người tham gia làm công tác khuyến nông (như cán bộ ở các tổ chức đoàn thể, cán bộ hợp tác xã, các cán bộ bảo vệ thực vật...) được hỏi nhận thức đầy đủ về đối tượng thụ hưởng các chính sách khuyến nông. Đây là lỗ hổng khá lớn có thể dẫn đến sự phối hợp chưa thực sự đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cán bộ khuyến nông với những người khác làm công tác khuyến nông, phần nào hạn chế tính khả thi trong triển khai thực hiện chính sách.

### 3.2.2. Nội dung của chính sách khuyến nông

#### a. Thông tin tuyên truyền

Nghị định 02 và các thông tư, văn bản hướng dẫn được phổ biến, tổ chức thực hiện theo ngành dọc từ Trung ương xuống địa phương thuận lợi cho cán bộ cấp cơ sở và người dân tiếp cận các nội dung của chính sách. Kết quả khảo sát cho thấy người dân tiếp cận thông tin chính sách khuyến nông qua 2 kênh chính là loa phát thanh xã và sự tuyên truyền, giải thích của cán

bộ thôn. Hàng tuần, đài phát thanh, truyền thanh ở địa phương phát tin, bài phổ biến chính sách và 88% số hộ cho rằng các bản tin này đáp ứng nhu cầu (Bảng 2). Ngoài ra, 85% số hộ khảo sát đánh giá cán bộ thôn là kênh thông tin trực tiếp về các tiến bộ kỹ thuật rất hữu ích và phù hợp với nhận thức của họ.

Tuy nhiên, định mức nhuận bút cho viết tin thấp (70.000 đồng/bài); ngân sách chi thường xuyên cho công tác thông tin tuyên truyền không nhiều nên phần nào đã hạn chế hiệu quả của chính sách. Có thể thấy công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách khuyến nông ở Hà Nội có tính khả thi, đang được triển khai quyết liệt, bước đầu phát huy những tác dụng tích cực, tuy nhiên cần sớm khắc phục những tồn tại để đạt hiệu quả cao hơn nữa.

#### b. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề

Kết quả phân tích, đánh giá tính khả thi đối với chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề cho thấy trong nhóm cán bộ khuyến nông tồn tại sự khác biệt đáng kể khi đánh giá mức độ phù hợp của các tiêu chí. Đa số các cán bộ khuyến nông đều cho rằng các định mức hỗ trợ chưa phù hợp. Ở khía cạnh khác, các cán bộ khuyến nông nhận định nội dung, thời gian, địa điểm và tần suất tổ chức lớp học là phù hợp với tỷ lệ cao. Duy hình thức bồi dưỡng, tập huấn nhận được các phản hồi trái chiều từ phía cán bộ ở hai cấp. Trong khi 80% số cán bộ khuyến nông cấp huyện cho rằng hình thức bồi dưỡng, tập huấn phù hợp thì con số này chỉ đạt

**Bảng 2. Đánh giá của người dân về các kênh thông tin tuyên truyền tại địa phương (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Chương Mỹ (n=30)	Thanh Tri (n=30)	Đông Anh (n=30)	Thanh Oai (n=30)	Bình quân (N=120)
<b>1. Đài phát thanh</b>					
1.1. Tần suất					
- Hàng tuần	63,3	56,7	60,0	53,3	58,3
- Hàng tháng	30,0	36,7	23,3	33,3	30,8
- Hàng vụ	6,7	6,6	16,7	13,4	10,9
1.2. Mức độ phù hợp					
- Phù hợp	93,3	86,7	90,0	83,3	88,3
<b>2. Cán bộ thôn</b>					
2.1. Tần suất					
- Hàng tuần	53,3	60,0	46,7	53,3	53,3
- Hàng tháng	33,3	26,7	20,0	23,3	25,8
- Hàng vụ	13,4	13,3	33,3	23,4	20,9
2.2. Mức độ phù hợp					
- Phù hợp	86,7	80,0	90,0	83,3	85,0

Nguồn: Tổng hợp điều tra

**Bảng 3. Đánh giá của cán bộ khuyến nông về mức độ phù hợp trong thực hiện chính sách bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Cán bộ cấp xã (n=40)			Cán bộ cấp huyện (n=20)		
	Phù hợp	Không phù hợp	Không đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Không đánh giá
Nội dung	82,5	7,5	10,0	85,0	10,0	5,0
Định mức hỗ trợ	7,5	77,5	15,0	25,0	75,0	0,0
Hình thức	55,0	37,5	7,5	80,0	20,0	0,0
Thời điểm	80,0	15,0	5,0	100,0	0,00	0,0
Địa điểm	92,5	7,5	0,0	90,0	5,0	5,0
Tần suất tổ chức lớp tập huấn	80,0	20,0	0,0	85,0	15,0	0,0

Nguồn: Tổng hợp điều tra

55% ở nhóm cán bộ khuyến nông cấp xã (bảng 3). Điều này được lý giải là do chưa quan tâm đầy đủ đến phương pháp tập huấn; chương trình đào tạo và bồi dưỡng hàng năm thay đổi nhiều; chưa thường xuyên cập nhật kiến thức cho cán bộ khuyến nông cấp cơ sở để giúp họ hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Hàng năm các lớp tập huấn trên địa bàn các xã mở ra ít, mỗi hộ được tập huấn khoảng 1 - 2 buổi/năm theo các chủ đề khác nhau. Ý kiến người dân cho biết một số lớp tập huấn còn hạn

chế về phương tiện dạy và học, mang nặng tính lý thuyết, hoặc tổ chức không đúng thời điểm mùa vụ dẫn đến khó áp dụng trong thực tiễn sản xuất. Bên cạnh đó, kinh phí đi lại, ăn ở với định mức hỗ trợ 20.000 đồng/buổi với nông hộ, 30.000 đồng/buổi với chủ trang trại là quá nhỏ bé, không phù hợp với thực tế (Bảng 4).

#### c. Chế độ đãi ngộ

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các tiêu chí đánh giá tính khả thi về chế độ đãi ngộ đối với

cán bộ khuyến nông (mức lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm) đều được nhận định không phù hợp với tỷ lệ cao (trên 85% ở mỗi tiêu chí) (Bảng 5).

Mặt khác, hoạt động đào tạo dài hạn cho cán bộ khuyến nông ở cấp xã còn hạn chế do thiếu kinh phí. Các trạm khuyến nông có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ từ sơ cấp lên trung cấp, cao đẳng hoặc đại học nhưng không được hỗ trợ kinh phí nên chưa thực hiện được đầy đủ. Có thể nói, so với các nội dung chính sách khác thì chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông thể hiện tính khả thi thấp.

*d. Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn*

Việc xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn ở Hà Nội đã được khuyến nông các cấp chú trọng triển khai thực hiện. Nhiều mô hình

sản xuất thủy sản, chăn nuôi lợn tập trung, phát triển sản xuất hoa, cây cảnh điển hình đã được các địa phương nhân rộng và có tác động lan tỏa tốt. Tuy nhiên, bất cập lớn nhất dễ nhận thấy là tiếp cận triển khai thực hiện chương trình xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn theo cơ chế từ trên - xuống. Nguyên nhân là nguồn tài chính thực hiện Chương trình chủ yếu từ ngân sách nhà nước và các chương trình, dự án, chưa phát huy đầy đủ sự tham gia tích cực của cộng đồng. Mặt khác, do thiếu sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể trong việc xây dựng mô hình và một số mô hình triển khai chưa phù hợp với điều kiện của địa phương nên tỷ lệ hộ tham gia hoạt động này còn thấp (Bảng 6).

**Bảng 4. Hỗ trợ hoạt động tập huấn truyền nghề**

Chỉ tiêu	Theo Nghị định số 02/2010/NĐ-CP		Thực tế áp dụng tại cấp huyện		Thực tế áp dụng tại cấp xã	
	Tài liệu (%)	Chi phí đi lại, ăn ở (%)	Tài liệu (%)	Chi phí đi lại, ăn ở (1000 đồng)	Tài liệu (%)	Chi phí đi lại, ăn ở (1000 đồng)
1. Hỗ trợ cho người hoạt động KN						
- Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	100	100	100	100	100	20-50
- Không hưởng lương	100	100	100	-	100	20-30
2. Hỗ trợ cho nông dân						
- Sản xuất nhỏ	100	100	100	20-50	100	20-30
- Sản xuất hàng hóa	100	50	100	20-50	100	20-30
- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ	50	0	100	-	100	-

Nguồn: Tổng hợp điều tra

**Bảng 5. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ khuyến nông (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Cán bộ cấp xã (n=40)			Cán bộ cấp huyện (n=20)		
	Phù hợp	Không phù hợp	Không đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Không đánh giá
Mức lương	5,0	90,0	5,0	60,0	40,0	0,0
Phụ cấp	0,0	95,0	5,0	20,0	80,0	0,0
Chế độ bảo hiểm	10,0	85,0	5,0	100,0	0,0	0,0
Công tác phí	5,0	85,0	10,0	40,0	40,0	20,0
Đào tạo nâng cao trình độ	15,0	75,0	10,0	20,0	80,0	0,0
Chế độ khen thưởng	0,0	95,0	5,0	20,0	60,0	20,0

Nguồn: Tổng hợp điều tra

**Bảng 6. Mức độ thực hiện xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Trình diễn\Sản xuất	Cơ giới hóa, bảo quản chế biến	Ứng dụng công nghệ cao
1. Mức độ tham gia xây dựng mô hình			
- Hộ được tham gia	22,5	24,2	11,7
- Hộ không được tham gia	66,7	53,3	81,7
- Hộ không tham gia	10,8	22,5	6,6
2. Mức độ áp dụng và nhân rộng mô hình			
- Áp dụng và nhân rộng ngay	77,5	87,5	49,2
- Chưa đủ điều kiện áp dụng và nhân rộng	12,5	6,7	17,5
- Không nhân rộng được	5,0	1,7	25,0
- Không có phương án trả lời	5,0	4,1	8,3

Nguồn: Tổng hợp điều tra

### 3.2.3. Sự đồng bộ và thống nhất giữa các cơ quan tổ chức thực hiện

Bộ máy tổ chức khuyến nông cơ sở hiện nay có hai mối quan hệ chính: quan hệ chỉ đạo và quan hệ phối hợp. Ở cấp huyện, Trạm khuyến nông trực thuộc và chịu sự quản lý toàn diện theo ngành dọc từ Trung tâm khuyến nông Thành phố, UBND cấp huyện thực hiện chức năng “hiệp quản”. Tuy nhiên, cán bộ khuyến nông cấp xã/thôn lại do UBND cấp xã quản lý. Bên cạnh những thuận lợi, cơ chế quản lý này có thể gây ra tình trạng “một cổ hai tròng”, nếu thiếu sự phối, kết hợp hiệu quả giữa các cơ quan chuyên môn thuộc bộ máy hành chính cấp huyện và các Trạm khuyến nông. Mặt khác, ở một vài địa phương cấp xã còn có sự chồng chéo về nhiệm vụ giữa các cán bộ khuyến nông, cán bộ bảo vệ thực vật và cán bộ thú y.

### 3.2.4. Nguồn nhân lực và năng lực thực thi chính sách

Theo Nghị định 02/2010/NĐ-CP của Chính phủ, mỗi xã có ít nhất một cán bộ khuyến nông chuyên trách, được Nhà nước trả lương, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND xã và Trạm khuyến nông huyện. Về trình độ chuyên môn, đa số cán bộ khuyến nông cấp xã đã được đào tạo dài hạn, có kinh nghiệm công tác lâu năm. Đây là điều kiện thuận lợi để triển khai chính sách khuyến nông ở các địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cán bộ khuyến nông cấp xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chưa thực sự toàn tâm, toàn ý với nhiệm vụ khuyến nông cơ sở (Bảng 7).

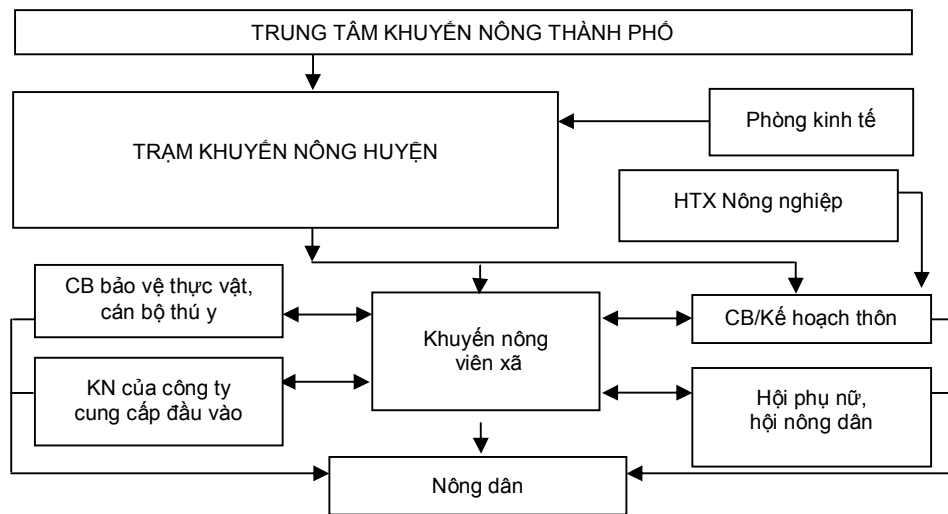
## 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi thực hiện chính sách khuyến nông

### 3.3.1. Kinh phí

Phần lớn nguồn kinh phí cho hoạt động khuyến nông ở các xã được hỗ trợ từ ngân sách của huyện và thành phố; nguồn huy động từ dân, các tổ chức còn rất hạn chế (Bảng 8). Mặt khác, mức đầu tư cho các nội dung hoạt động chưa tương thích; ở các địa phương kinh phí chủ yếu dành cho hoạt động xây dựng mô hình trình diễn và đào tạo, tập huấn.

### 3.3.2. Nội dung chính sách

Nội dung và phương pháp tiếp cận ảnh hưởng không nhỏ tới khả năng thực hiện của chính sách khuyến nông. Nội dung hoạt động khuyến nông chỉ thực sự phát huy tác dụng khi nó xuất phát từ nhu cầu của chính người nông dân trong thực tiễn sản xuất, chế biến hay tiêu thụ nông sản. Tiếp cận từ trên xuống đối với hoạt động khuyến nông thường không mang lại kết quả như mong đợi. Để thiết kế nội dung của chính sách khuyến nông cho phù hợp, chính quyền địa phương cần tổ chức thu thập, phân tích thông tin, xác định các điều kiện và những khó khăn mà nông dân gặp phải trong sản xuất nông nghiệp để từ đó lên kế hoạch xây dựng nội dung, phương pháp tiến hành, xây dựng hệ thống tổ chức khuyến nông phù hợp với thực tế ở từng địa phương.



Chú thích: -> : Quan hệ chỉ đạo; <-->: Quan hệ phối hợp

### Sơ đồ 1. Sự phối kết hợp các đơn vị trong triển khai chính sách khuyến nông

**Bảng 7. Đội ngũ cán bộ và người làm công tác khuyến nông cấp xã (ĐVT: %)**

Chỉ tiêu	Chương Mỹ (n=32)	Thanh Trì (n=18)	Thanh Oai (n=21)	Đông Anh (n=24)	Bình quân (N=95)
1. Tỷ lệ xã có CBKN cơ sở	100,0	100,0	100,0	95,8	98,9
2. Tỷ lệ KN kiêm nhiệm	12,5	33,3	28,6	30,4	26,2
3. Trình độ chuyên môn					
- Đã qua đào tạo dài hạn	93,2	89,1	87,9	92,4	90,7
- Đào tạo ngắn hạn	6,8	10,9	12,1	7,6	9,4
4. Kinh nghiệm công tác					
- Trên 10 năm	36,1	29,4	43,2	52,2	40,2
- Từ 5 - 10 năm	44,3	42,2	46,3	39,6	43,1
- Dưới 5 năm	19,6	28,2	10,5	8,2	16,7

Nguồn: Tổng hợp số liệu các huyện

**Bảng 8. Kinh phí đầu tư cho hoạt động khuyến nông của một số xã thuộc điểm nghiên cứu**

Chỉ tiêu	Thụy Hương (Chương Mỹ)	Vạn Phúc (Thanh Trì)	Đông Sơn (Chương Mỹ)	Lê Thanh (Mỹ Đức)
1. Tổng kinh phí (triệu đồng)	214.49	68.972	202.2	156.789
- Huyện, Thành phố cấp (%)	58,25	81,19	64,79	44,24
- Xã cấp (%)	37,28	14,25	31,16	45,00
- Dân đóng góp (%)	4,37	4,45	4,06	10,76
2. Sử dụng cho hoạt động				
- Đào tạo, tập huấn, truyền nghề (%)	39,09	51,81	39,08	23,14
- Thông tin tuyên truyền (%)	1,89	7,63	1,51	4,00
- Xây dựng mô hình (%)	52,09	18,99	52,06	63,37
- Chế độ đối với người hoạt động khuyến nông (%)	6,93	21,57	7,36	9,49

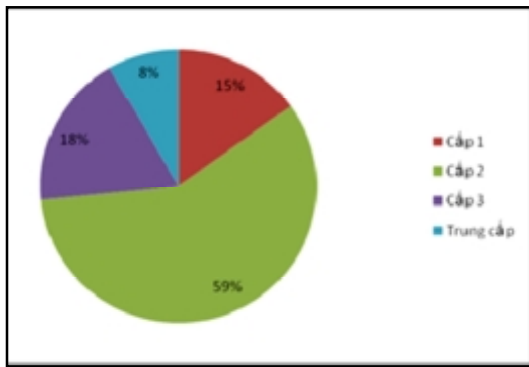
Nguồn: Tổng hợp số liệu các xã

### Hộp 1. Nội dung và phương pháp khuyến nông cần dựa trên nhu cầu người dân

“Để các nội dung khuyến nông thực sự phát huy hiệu quả tại cơ sở, việc thu thập thông tin chung (ở các xã) phải rất tỉ mỉ, công phu, từ các loại môi trường xã hội, tự nhiên, công nghệ, căn cứ trên bản đồ ra thực địa, tiếp xúc để nắm vững dân số, diện tích từng loại đất, đến phân tích các dịch vụ nông nghiệp trong xã thuộc nhiều lĩnh vực: cung ứng vật tư, làm đất, khuyến nông, bảo vệ thực vật, dịch vụ thú y. Từ những thông tin này kết hợp với ý kiến người dân để chọn lựa các hoạt động cần ưu tiên phát triển. Đây là bước quan trọng quyết định, vì nó ảnh hưởng rất lớn đến chương trình khuyến nông”.

TS. Đào Thế Anh, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

#### 3.3.3. Trình độ học vấn và nhận thức của nông dân



Nguồn: Tổng hợp điều tra

**Biểu đồ 1. Cơ cấu trình độ học vấn nông dân**

Kết quả khảo sát cho thấy trình độ của các chủ hộ phần lớn ở bậc trung học phổ thông (59%), số chủ hộ có trình độ trung cấp trở lên rất ít (chiếm 8%). Hầu hết họ sản xuất dựa vào kinh nghiệm, học hỏi bạn bè, người thân và tự tích lũy kinh nghiệm trong thực tế. Ở một số địa phương vẫn chưa thu hút được đầy đủ người dân tham gia vào các hoạt động khuyến nông. Như vậy, trình độ dân trí và sự sẵn lòng tham gia sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tiếp nhận thông tin, thực thi chính sách khuyến nông trên địa bàn.

### 3.4. Giải pháp nâng cao tính khả thi

#### 3.4.1. Tăng cường sự đồng bộ và thống nhất giữa các cơ quan tổ chức thực hiện

Hệ thống chính sách, văn bản hướng dẫn và các chương trình khuyến nông nên gửi thông tin

trực tiếp theo ngành dọc từ Trung tâm khuyến nông thành phố đến cấp huyện và cấp xã. UBND xã phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm hạn chế tối đa sự chồng chéo về chuyên môn giữa cán bộ khuyến nông, cán bộ thú y và cán bộ bảo vệ thực vật. Xây dựng cơ chế phối hợp, cụ thể, rõ ràng giữa UBND cấp huyện và Trung tâm Khuyến nông thành phố trong việc quản lý các Trạm khuyến nông cấp huyện để quản lý hiệu quả hoạt động khuyến nông.

#### 3.4.2. Nâng cao nguồn lực

##### a. Nguồn nhân lực

Thành phố cần xây dựng đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở, mở các lớp tập huấn dài hạn hoặc cử cán bộ khuyến nông tham gia các lớp đào tạo trình độ cao đẳng và đại học, hạn chế tối đa tình trạng cán bộ kiêm nhiệm ở cấp xã. Thành phố cần có cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng, đặc biệt các chế độ về lương, phụ cấp, công tác phí nhằm thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn về làm việc tại các xã.

##### b. Kinh phí triển khai

Nhân rộng mô hình xã hội hóa khuyến nông ở một số địa phương (Thụy Hương, Chương Mỹ) nhằm huy động nguồn vốn từ người dân; các doanh nghiệp kinh doanh vật tư nông nghiệp. Thành phố nên ban hành cơ chế khuyến khích trạm khuyến nông và khuyến nông viên cấp xã hoạt động tư vấn, dịch vụ nhằm tăng nguồn thu cho các hoạt động. Tiếp tục nghiên cứu nâng cao hiệu quả mô hình Quỹ khuyến nông bằng cách tăng cường khả năng tiếp cận Quỹ của người dân, quản lý Quỹ theo cơ chế vay - trả tài chính;

giám sát chặt chẽ hơn trong khâu giải ngân khi triển khai các chương trình chính sách (Phạm Bảo Dương và cs., 2014).

### **3.3.3. Đối với từng hoạt động chính sách**

#### *a. Thông tin tuyên truyền*

Đa dạng hơn nữa các kênh tuyên truyền về chính sách mới ban hành, lợi ích thiết thực mà chính sách mang lại cho người dân. Để làm được điều này, cần có cơ chế hỗ trợ nhuận bút viết tin bài cho đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở. Tăng cường phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội như: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên... để triển khai thực hiện chính sách thông qua các buổi họp hay sinh hoạt tập thể.

#### *b. Đào tạo, bồi dưỡng*

Thành phố cần quy định cụ thể, tăng định mức hỗ trợ (100% kinh phí tài liệu và chi phí đi lại, ăn ở), vì mức 20 - 50 nghìn đồng/người/ngày như hiện nay là thấp. Xây dựng kế hoạch hàng năm về thời gian tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ khuyến nông. Trung tâm khuyến nông Thành phố và các trạm khuyến nông đặc biệt chú trọng hoạt động tập huấn khuyến nông theo định hướng thị trường.

Qua phỏng vấn người dân, đa số ý kiến tập trung đề nghị: i) Về nội dung: thực hiện “học đi đôi với hành” để đảm bảo kiến thức được áp dụng hiệu quả; ii) Về hình thức: Tăng cường tham quan, chia sẻ kinh nghiệm và thực hành trên đồng ruộng với sự hướng dẫn của cán bộ giảng dạy; iii) Về thời gian: tăng thời gian tập huấn cho mỗi đợt đào tạo; iv) Về định mức hỗ trợ: điều chỉnh phù hợp với thời gian tập huấn.

#### *c. Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn*

Các cơ quan khuyến nông của thành phố chủ động liên kết với các viện, trường đại học, các doanh nghiệp và cộng đồng người dân để thử nghiệm các mô hình trình diễn tại địa phương nhằm huy động tối đa nguồn lực; giải quyết thị trường đầu ra cho sản phẩm; phát huy sự phối hợp giữa các tổ chức, đoàn thể xã hội, đặc biệt là sự tham gia của người dân trong việc xây dựng và áp dụng các mô hình trình diễn.

#### *d. Chế độ đối với người hoạt động khuyến nông*

Trung tâm Khuyến nông thành phố cần đẩy nhanh việc tham mưu cho UBND thành phố cấp thù lao cho các cộng tác viên khuyến nông theo Nghị định 02; điều chỉnh lại chế độ đãi ngộ (bảo hiểm, mức lương và phụ cấp) cho cán bộ khuyến nông cấp xã và cộng tác viên khuyến nông. Hàng năm tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông viên cơ sở.

#### *e. Giám sát thực hiện*

Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện, mức độ khả thi của các chương trình khuyến nông theo kế hoạch thời gian đã quy định. Trung tâm cần mở lớp tập huấn về công tác giám sát hoạt động khuyến nông cho đối tượng là cán bộ khuyến nông; phát huy vai trò của cộng đồng qua việc thường xuyên lấy ý kiến đánh giá của người dân về vai trò của cán bộ khuyến nông và các hoạt động khuyến nông trên địa bàn xã.

## **4. KẾT LUẬN**

Chính sách khuyến nông trong những năm qua đã thể hiện được rõ vai trò, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn thành phố Hà Nội. Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách khuyến nông, bên cạnh các nội dung về thông tin tuyên truyền và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, truyền nghề được đánh giá có tính khả thi tương đối cao, vẫn còn một vài chính sách chưa thực sự phát huy hiệu quả. Số lượng đối tượng thụ hưởng và phạm vi tác động của chính sách tương đối rộng trong khi lực lượng cán bộ làm công tác khuyến nông lại mỏng, chế độ đãi ngộ (mức lương, công tác phí và các chế độ khác dành cho cán bộ khuyến nông cơ sở) không cao đã ảnh hưởng tới hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách. Tiếp cận hoạt động xây dựng mô hình trình diễn từ trên xuống chưa thực sự gắn liền với nhu cầu của người sản xuất. Ngoài ra, sự chồng chéo về nhiệm vụ, cơ quan quản lý, năng lực cán bộ, nhận thức của người dân cũng như nguồn kinh phí hạn hẹp làm giảm tính khả thi của chính sách.

Để nâng cao tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện chính sách khuyến nông, các giải pháp được đề xuất là: (1) Tăng cường sự đồng bộ và thống nhất của các cơ quan trong quá trình triển khai chính sách; (2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm khuyến nông, khả năng tiếp nhận chính sách của người dân, tăng cường tài chính để triển khai thực hiện chính sách, đặc biệt là nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình Quỹ khuyến nông Hà Nội; (3) Hoàn thiện các nội dung chính sách khuyến nông và tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động này trên địa bàn Thành phố.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phạm Bảo Dương, Đậu Thị Bích Hoài, Nguyễn Thị Thanh Minh (2014). Đánh giá mô hình tổ chức và

hoạt động của Quỹ khuyến nông Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 200(II): 53-60.

Đỗ Kim Chung (1998). Đánh giá khả thi dự án phát triển nông thôn, Tài liệu tập huấn cho giáo viên Đại học Nông lâm Huế.

Chính phủ (2010). Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông.

HĐND thành phố Hà Nội (2010). Nghị quyết 03/2010/NQ-HĐND ngày 21/04/2010 về xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2010 - 2020.

UBND thành phố Hà Nội (2002). Quyết định số 26/2002/QĐ-UB ngày 27/02/2002 về việc thành lập Quỹ khuyến nông Thành phố Hà Nội.

UBND thành phố Hà Nội (2009). Quyết định số 67/2009/QĐ-UBND ngày 13/05/2009 về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của nhân viên khuyến nông xã, phường, thị trấn nơi có sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.